

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**QUY TRÌNH**  
**ISO 9001:2015**  
**GIẢI QUYẾT TỐ CÁO TẠI CẤP TỈNH**

Mã hiệu: QT-TTr-03

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 28/5/2020

*Ninh Bình, tháng 5 năm 2020*

<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền</b> <b>giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng</b> <b>cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: QT-TTr-03
		Lần ban hành: 01
		Ngày: 28/5/2020

## MỤC LỤC

### SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phạm Thị Bích Liên	Nguyễn Văn Tuyên	Vũ Nam Tiến
Chữ ký			
Chức vụ	Thanh tra viên	Chánh Thanh tra Sở	Giám đốc









<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: <b>QT-TTr-03</b>
		Lần ban hành: <b>01</b>
		Ngày: <b>28/5/2020</b>

## 1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự, nội dung, trách nhiệm và phương pháp tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Sở.

## 2. PHẠM VI ÁP DỤNG

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực hoạt động về Nông nghiệp và PTNT trên địa bàn tỉnh;

- Thanh tra Sở, cơ quan chuyên môn thuộc Sở chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy trình này; các cán bộ, công chức, phòng, ban, bộ phận chuyên môn liên quan chịu trách nhiệm thực hiện việc giải quyết tố cáo.

## 3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Luật Thanh tra số 56/2010/QH 12 ngày 15/11/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ- CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều về thi hành Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản hướng dẫn khác.

- Luật tố cáo 25/2018/QH14 ngày 12/6/ 2018;

- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo;

- Các Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản khác liên quan đến lĩnh vực quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

## 4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- Sở nông nghiệp và PTNT: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## 5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<b>5.1</b>	<b>Cơ sở pháp lý</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật tố cáo 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018;</li> <li>- Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo;</li> </ul>
<b>5.2</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn tố cáo hoặc Biên bản ghi nội dung tố cáo;</li> <li>- Các tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
<b>5.3</b>	<b>Số lượng hồ sơ</b>
	01 bộ



<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: <b>QT-TTr-03</b>
		Lần ban hành: <b>01</b>
		Ngày: <b>28/5/2020</b>

<b>5.4</b>	<b>Thời gian xử lý</b>
	Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.
<b>5.5</b>	<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>
	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Thanh tra Sở, các phòng, ban cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.
<b>5.6</b>	<b>Lệ phí</b>
	Không

<b>5.7</b>	<b>Quy trình xử lý công việc</b>			
<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Biểu mẫu/kết quả</b>
B1	<p><i>Thụ lý tố cáo</i></p> <p>Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể ủy quyền cho cơ quan nhà nước ngang cấp hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>a) Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23, Luật Tố cáo 2018:</p> <p>- Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố</p>	Công dân; Người giải quyết tố cáo	Theo Quy định tại Điều 24 Luật Tố cáo 2018	Mẫu số 04



<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: <b>QT-TTr-03</b>
		Lần ban hành: <b>01</b>
		Ngày: <b>28/5/2020</b>

	<p>cáo.</p> <p>- Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.</p> <p>b) Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo;</p> <p>d) Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.</p>			Mẫu số 05, 06
B2	<p><i>Xác minh nội dung tố cáo:</i></p> <p>1. Người giải quyết tố cáo tiến hành xác minh hoặc giao cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo). Việc giao xác minh nội dung tố cáo phải được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>2. Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc</p>	Giám đốc Sở, Thanh tra Sở; thủ trưởng, phòng, ban, cơ quan thuộc Sở	Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo 2018	Mẫu số 07







<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: <b>QT-TTr-03</b>
		Lần ban hành: <b>01</b>
		Ngày: <b>28/5/2020</b>

	<p>hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật này theo phân công của người giải quyết tố cáo.</p> <p>8. Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người được giao xác minh phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý theo quy định tại Điều 16 Nghị định 31/2019/NĐ-CP.</p>			Mẫu số 10, 11
B3	<p><i>Kết luận nội dung tố cáo:</i></p> <p>Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:</p> <p>1. Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo phải có các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Kết quả xác minh nội dung tố cáo;</p> <p>b) Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật;</p> <p>c) Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo;</p> <p>d) Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật;</p> <p>đ) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.</p> <p>Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo phải kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.</p>	Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Sở.	Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo 2018	Mẫu 12



<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: <b>QT-TTr-03</b>
		Lần ban hành: <b>01</b>
		Ngày: <b>28/5/2020</b>

	<p>2. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo.</p>			
B4	<p><i>Xử lý Kết luận nội dung tố cáo:</i></p> <p>Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo 2018 và Điều 18 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:</p> <p>1. Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:</p> <p>a) Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật;</p> <p>b) Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.</p> <p>Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì cơ quan thanh</p>	<p>Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Sở.</p>	<p>Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo 2018</p>	<p>Mẫu số 12</p>



<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: <b>QT-TTr-03</b>
		Lần ban hành: <b>01</b>
		Ngày: <b>28/5/2020</b>

	tra nhà nước phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.			
B5	<p><i>Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo:</i></p> <p>Theo quy định tại Điều 40 Luật Tố cáo 2018:</p> <p>1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công khai quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.</p> <p>2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức sau đây:</p> <p>a) Công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo công tác;</p> <p>b) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>c) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc mạng thông tin nội bộ của người đã giải quyết tố cáo, người đã ra quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;</p> <p>d) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>3. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo phải bảo đảm không làm tiết lộ thông tin về người tố cáo và những nội dung thuộc bí mật nhà nước.</p>	Giám đốc Sở, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Sở.	Theo quy định tại Điều 40 Luật Tố cáo 2018	Thực hiện Công khai

## 6. BIỂU MẪU

TT	Tên biểu mẫu
1	Sổ theo dõi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân
2	Mẫu văn bản ban hành theo Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật tố cáo;



<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NINH BÌNH</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền</b> <b>giải quyết của Giám đốc Sở, thủ trưởng</b> <b>cơ quan thuộc Sở</b>	Mã số: QT-TTr-03
		Lần ban hành: 01
		Ngày: 28/5/2020

**7. HỒ SƠ LƯU:** Hồ sơ lưu thành bộ (theo Điều 39 Luật Tố cáo 2018), gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ (bản chính/bản sao theo quy định)
1	Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo; báo cáo hoặc biên bản kiểm tra, xác minh thông tin cá nhân của người tố cáo, biên bản làm việc trực tiếp với người tố cáo để xác minh nội dung tố cáo.
2	Quyết định thụ lý tố cáo; văn bản giao xác minh nội dung tố cáo.
3	Biên bản xác minh; kết quả giám định, thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình xác minh.
4	Văn bản giải trình của người bị tố cáo; biên bản làm việc với người bị tố cáo về nội dung giải trình.
5	Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trong trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho người khác tiến hành xác minh nội dung tố cáo.
6	Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo; quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo.
7	Kết luận nội dung tố cáo hoặc quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo.
8	Quyết định xử lý của người giải quyết tố cáo, văn bản kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý.
9	Các tài liệu khác có liên quan.
10	Đối với việc giải quyết lại vụ việc tố cáo, hồ sơ bao gồm những tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và các tài liệu sau đây: a) Đơn tố cáo tiếp hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo tiếp; văn bản yêu cầu hoặc kiến nghị về việc giải quyết lại vụ việc tố cáo; b) Kết luận nội dung giải quyết lại vụ việc tố cáo; c) Quyết định xử lý của người giải quyết lại vụ việc tố cáo; d) Các tài liệu khác có liên quan trong quá trình giải quyết lại vụ việc tố cáo.
Hồ sơ lưu tại Thanh tra Sở	